

THÔNG BÁO THAY ĐỔI HẠN MỨC CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh thông báo thay đổi hạn mức chào bán chứng quyền có bảo đảm của các mã chứng khoán cơ sở như sau:

STT	Mã CKCS	Hạn mức chào bán cũ	Hạn mức chào bán mới
1	FPT	109.956.457	110.088.645
2	HPG	321.890.036	329.653.423
3	MBB	354.901.433	364.265.313
4	MSN	52.344.899	52.344.899
5	MWG	71.348.929	73.989.434
6	TCB	307.784.971	311.358.587
7	VHM	212.176.026	214.668.341
8	VNM	50.653.854	48.153.854
9	VPB	305.060.951	306.193.762

Như vậy danh sách cổ phiếu đáp ứng điều kiện là chứng khoán cơ sở của chứng quyền có bảo đảm và hạn mức còn được phép chào bán được áp dụng từ ngày 30/09/2026 như sau:

STT	Mã CKCS	Khối lượng cổ phiếu lưu hành	Tổng số cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng hạn mức chào bán	Hạn mức chào bán còn lại
1	ACB	5.804.421.957	4.845.531.449	484.553.144	405.272.444
2	FPT	1.885.727.648	1.517.445.038	151.744.503	110.088.645
3	HDB	5.005.276.323	3.830.037.442	383.003.744	353.530.543
4	HPG	8.442.964.520	4.763.520.582	476.352.058	329.653.423
5	LPB	2.987.282.100	2.639.263.735	263.926.373	257.434.707
6	MBB	10.068.749.885	4.561.143.697	456.114.369	364.265.313

7	MSN	1.460.374.611	825.987.879	82.598.787	52.344.899
8	MWG	1.475.694.086	1.104.261.884	110.426.188	73.989.434
9	SHB	5.343.703.838	3.822.885.725	382.288.572	336.688.572
10	SSB	3.468.800.000	1.830.485.760	183.048.576	178.441.376
11	SSI	3.001.302.333	1.993.465.009	199.346.500	199.346.500
12	STB	1.885.215.716	1.730.250.984	173.025.098	130.798.911
13	TCB	7.086.240.414	3.825.152.575	382.515.257	311.358.587
14	VHM	8.214.824.008	2.322.330.747	232.233.074	214.668.341
15	VIB	3.735.386.252	2.040.641.509	204.064.150	151.505.461
16	VIC	7.762.186.429	2.155.559.171	215.555.917	207.355.918
17	VJC	769.092.961	249.416.847	24.941.684	24.056.655
18	VNM	2.089.955.445	811.947.690	81.194.769	48.153.854
19	VPB	7.933.923.601	4.187.524.876	418.752.487	306.193.762
20	VRE	2.272.318.410	901.428.713	90.142.871	59.249.782